

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án: Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020; Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 217/TTr-SKHĐT ngày 29 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Nghĩa Đàn đến 2020 phải phù hợp với Nghị quyết 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị, với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12/5/2015 và với Đề án phát triển Miền Tây Nghệ An đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 04/12/2013. Phát triển kinh tế - xã hội của huyện gắn kết chặt chẽ với các địa phương trong vùng Phú Quý và vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ.

- Phát triển nhanh và bền vững, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế với củng cố và phát huy văn hóa truyền thống, chống sự trì trệ, quan liêu.

- Giai đoạn 2016 - 2020, ngành nông nghiệp vẫn được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, làm điểm tựa vững chắc cho các ngành công nghiệp và dịch vụ phát triển. Trong đó trọng tâm là phát triển chăn nuôi đàn bò sữa công nghiệp và

phát triển các vùng cây nguyên liệu, rau quả ứng dụng công nghệ cao, sản xuất tập trung, đa dạng các sản phẩm nông sản hàng hoá chất lượng cao.

- Phát huy nội lực gắn với khai thác tối đa nguồn lực từ bên ngoài, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, từng bước xây dựng nền kinh tế tri thức, tăng cường bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.

- Coi trọng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng trọng yếu; phát triển nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm phát huy lợi thế vị trí địa lý, mở rộng liên kết vùng trong thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN:

1. Mục tiêu tổng quát:

Phấn đấu xây dựng Nghĩa Đàn trở thành trung tâm kinh tế của vùng Tây Bắc tỉnh Nghệ An và là huyện nông thôn mới vào năm 2020, là trung tâm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có nền nông nghiệp hàng hóa phát triển tập trung, toàn diện gắn với phát triển mạnh công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông - lâm sản. Đời sống các vùng dân cư được nâng cao, thực hiện giảm hộ nghèo, tăng hộ khá, giàu. Bảo đảm quyền có việc làm cho người lao động. Dân chủ cơ sở được phát huy, hệ thống chính trị cơ sở được củng cố và tăng cường, ổn định xã hội và an ninh quốc phòng được giữ vững, chủ động kiểm soát tình hình, kiểm chế và đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Mục tiêu kinh tế:

- GTTT (VA- giá SS) đến năm 2020 đạt 6.074 tỷ đồng; theo giá HH đạt khoảng 8.113 tỷ đồng; GTTT (giá HH) bình quân đầu người đạt 67 triệu đồng, tính theo USD đạt khoảng 3.190 USD (bình quân chung của tỉnh sau điều chỉnh 2.800 - 3.500 USD).

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 16,79% (cả tỉnh 9,5 - 10,5%). Trong đó:

+ Nông - lâm - thủy sản: 9,90%.

+ Công nghiệp - xây dựng: 24,30%.

+ Dịch vụ - thương mại: 22,77%.

- Cơ cấu kinh tế đến 2020: nông - lâm - thủy 43,55% (cả tỉnh 18 - 20%), công nghiệp - xây dựng 36,48% (cả tỉnh 40 - 41%) và dịch vụ 19,97% (cả tỉnh 40 - 41%);

- Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2010 khoảng 28.000 - 29.000 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn phấn đấu bình quân tăng 20%/năm.

2.2. Mục tiêu về xã hội:

- Số lao động được tạo việc làm hàng năm từ 1.700 người.
- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 đạt dưới 3%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2020 là 91,3%.
- Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá đến năm 2020 là 85%.
- Tỷ lệ xã, thị trấn có thiết chế văn hóa đạt chuẩn quốc gia : 68%.
- Tỷ lệ làng (bản, khối, xóm) văn hóa 60%.
- Số giường bệnh/1 vạn dân: 20,67 (cả tỉnh 30 giường/vạn dân).
- Số bác sỹ/vạn dân đạt 6,27 người (cả tỉnh 8,5); 100% trạm y tế phường, xã đều có bác sỹ.
- Phân đầu 100% xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng <13%.
- Thực hiện mục tiêu về xây dựng nông thôn mới theo Quyết định 491/QĐ.TTr ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, có 17 xã đạt chuẩn vào năm 2020, trong đó có 1 - 2 xã kiểu mẫu.
- Phân đầu đến 2020 có 12- 15% dân cư đô thị.

2.3. Mục tiêu về môi trường:

- Tỷ lệ che phủ đến năm 2020 đạt 43 - 45.0% (Cả diện tích trồng cây lâu năm); trong đó độ che phủ rừng là 30 -31%.
- Tăng cường công tác quản lý, thu gom và xử lý rác thải ở các xã, các thị tứ, các cụm dân cư tập trung, có ít nhất 75% lượng rác thải được thu gom; đảm bảo 100% cơ sở sản xuất kinh doanh, các khu công nghiệp đều đạt tiêu chuẩn môi trường ngay sau khi hoạt động chính thức.

- 97% dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh (cả tỉnh 85%).

- Tỷ lệ dân đô thị được dùng nước sạch 99%.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC:

1. Phát triển nông - lâm - thủy sản và xây dựng Nông thôn mới:

1.1. Phát triển nông - lâm - thủy sản:

1.1.1. Mục tiêu phát triển:

- Tổng GTTT (giá SS 2010) đạt 2.522 tỷ đồng; Tổng GTTT (giá HH) đạt 3.533 tỷ đồng;
- Nhịp độ tăng trưởng bình quân thời kỳ 2016 - 2020 là 9,90%.
- Cơ cấu nội ngành (theo GTSX): nông nghiệp 97,83%; lâm nghiệp 0,8%; thủy sản 1,37%.

- Xã đạt chuẩn NTM: 17 xã.

1.1.2. Phát triển các phân ngành:

1.1.2.1. Nông nghiệp:

a. Mục tiêu phát triển:

- Tổng GTSX (giá SS) đạt 4.651,78 tỷ đồng.

- Cơ cấu nội ngành: trồng trọt 20,52%, chăn nuôi 79,35%, dịch vụ 0,15%.

b. Giải pháp:

*** Về trồng trọt:**

- Ổn định diện tích cây lương thực; giảm diện tích trồng cây lâu năm, mía nguyên liệu; tăng diện tích trồng cỏ tập trung ứng dụng CNC, rau CNC...

- Tích cực thực hiện tái cơ cấu sử dụng đất một cách có hiệu quả, diện tích đất một lúa cần mạnh dần chuyển dần sang sản xuất cây trồng khác có hiệu quả hơn như trồng cỏ chăn nuôi bò sữa, rau- củ quả công nghệ cao hoặc nuôi trồng thủy sản...

- Quan tâm đầu tư ứng dụng công nghệ cao, xây dựng các cánh đồng mẫu lớn hình thành các vùng sản xuất giống lúa nguyên chủng (hoặc xác nhận) chất lượng cao, cỏ công nghệ cao, rau - củ - quả công nghệ cao.

*** Về chăn nuôi:**

Xác định chăn nuôi là lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của ngành nông nghiệp. Với đàn trâu, đàn bò giảm tỷ lệ con cày kéo, tăng tỷ lệ giết thịt; với đàn lợn phát triển theo hướng siêu nạc. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, chuyển dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung, quy mô công nghiệp, bán công nghiệp; phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp. Khuyến khích, từng bước chuyển dần các khu chuồng trại chăn nuôi ra xa khu dân cư.

Riêng về đàn bò sữa: tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất (mặt bằng để xây dựng các trại chăn nuôi, thực hiện nhanh, kịp thời các thủ tục cho thuê đất trồng cỏ...) để thực hiện tốt dự án chăn nuôi bò sữa tập trung quy mô công nghiệp do Công ty Cổ phần thực phẩm sữa TH làm chủ đầu tư.

c. Lâm nghiệp:

Thực hiện tốt nhiệm vụ khoanh nuôi, chăm sóc, bảo vệ vốn rừng hiện có, đồng thời phủ xanh diện tích đất trống đồi núi trọc có khả năng trồng rừng bằng trồng mới các cây bản địa và cây nguyên liệu cho nhà máy MDF, xây dựng mô hình nông - lâm kết hợp, bảo vệ tốt rừng phòng hộ. Gắn phát triển lâm nghiệp bền vững với phát triển nuôi trồng thủy sản trên các hồ chứa, tạo nền tảng cho phát triển du lịch sinh thái, kết hợp phát triển các khu nghỉ dưỡng.

1.1.2.3. Thủy sản:

Tiếp tục đầu tư thực hiện các mục tiêu quy hoạch cũ về nuôi cá vụ 3 trên diện tích lúa chủ động nước. Khuyến khích mô hình nuôi cá trang trại kết hợp chăn nuôi khác nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên 2 hồ chứa là Sông Sào và Khe Đá nhằm khai thác tiềm năng của các hồ. Hình thức nuôi cá lồng theo công nghệ Ixraen, kết hợp nuôi thả theo phương pháp truyền thống để khai thác dịch vụ du lịch sinh thái.

1.2. Xây dựng Nông thôn mới:

Phần đầu mỗi xã đạt thêm ít nhất 2 tiêu chí, riêng các xã điểm đạt thêm ít nhất 3 tiêu chí, đến năm 2020 có 17 xã (77%) và huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 2 - 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và có 25% dân số được đô thị hóa. Góp phần thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo, từng bước thu hẹp khoảng cách về thu nhập của người dân và phát triển kinh tế xã hội giữa các vùng.

2. Công nghiệp - xây dựng:

2.1. Mục tiêu phát triển:

- GTTT (giá SS) ngành công nghiệp - xây dựng đến năm 2020 đạt 2.386 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân 24,30%, trong đó công nghiệp 27,24%, dựng 8,80%

- GTTT (giá HH) đạt 2.960 tỷ đồng, trong đó công nghiệp 2.653 tỷ đồng, xây dựng 307 tỷ đồng.

- Cơ cấu nội ngành: công nghiệp 89,63%, xây dựng 10,37%.

2.2. Phát triển các phân ngành:

2.2.1. Công nghiệp chế biến:

- Xây dựng mới một nhà máy sản xuất gỗ MDF tại Khu công nghiệp Nghĩa Đàn công suất 400.000 m³/năm, xây dựng nhà máy chế biến nước hoa quả đóng hộp công suất 10.000 tấn SP/năm tại khu công nghiệp tỉnh. Xây dựng nhà máy chế biến sữa Mega công suất 1000 tấn/ngày (đang xây dựng). Xây dựng nhà máy sản xuất cồn công suất 10 triệu lít/năm. Xây dựng tổ hợp sản xuất dầu thực vật và thực phẩm chức năng công suất 5.000 tấn/năm. Xây dựng nhà máy chế biến sản xuất phân hữu cơ vi sinh (khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ như phân bò, phế phẩm phụ nông nghiệp).

2.2.2. Công nghiệp khai khoáng:

Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến bột đá công suất đạt 200.000 - 300.000 tấn/năm. Phát triển ngành nghề chế tác đồ mỹ nghệ để tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

2.2.3. Sản xuất vật liệu xây dựng:

Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất vật liệu nhựa xây dựng công suất 2.000 tấn/năm; tiếp tục đầu tư nâng cấp các cơ sở công nghiệp - TTCN sản xuất vật liệu xây dựng hiện có, đồng thời xây dựng thêm 1 dây chuyền sản xuất gạch không nung các loại với công suất 15- 20 triệu viên/năm...

2.2.4. Công nghiệp điện, nước:

Điện: Xây dựng mới các trạm biến áp cùng hệ thống chiếu sáng tại thị trấn, tiếp tục thay thế dần hệ thống tải điện được xây dựng từ lâu, nay đã xuống cấp.

Xây dựng trạm biến áp 100 KV tại Tập đoàn Bắc Á nhằm cung cấp điện cho toàn bộ các dự án của Bắc Á và khu vực phía Bắc, Tây bắc huyện.

Nước: Ưu tiên đầu tư xây dựng mới các nhà máy, cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch cho thị trấn mới, các thị tứ, các nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại; cấp nước cho các cơ sở chế biến công nghiệp... với công suất khoảng 2.000 - 2.500 m³/ ngày đêm năm 2015 và trên 5.000 m³/ngày đêm vào năm 2018 (tương đương 1.825.000 m³/năm)..

2.3. Giải pháp:

- Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến nông - lâm sản truyền thống trên địa bàn, như: chế biến sữa, chế biến cao su, chế biến gỗ...

- Tiếp tục thu hút các doanh nghiệp đầu tư và phân đầu từng bước phát huy có hiệu quả Khu Công nghiệp Nghĩa Đàn và Khu Công nghiệp nhỏ Nghĩa Long. Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp chế biến nông, lâm sản và các doanh nghiệp tạo được nhiều việc làm gắn với đảm bảo môi trường. Cùng với các nhà đầu tư tiếp tục triển khai thực hiện tốt các dự án về chế biến sữa, chế biến gỗ, chế biến dược liệu, chế biến bột đá... nhằm tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp, tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp và cá nhân bằng nguồn khuyến công cho các cơ sở sản xuất tiêu thụ công nghiệp, đặc biệt là các hộ sản xuất cá thể. Giữ vững và phát huy hiệu quả các làng nghề đã được công nhận và các làng có nghề trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường đối với các sản phẩm của các làng nghề chổi đót và mật mía. Đồng thời tiếp tục xây dựng thêm một số làng nghề mới.

- Rà soát quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến để đầu tư chiều sâu, hiện đại, nâng cao hiệu quả khai thác chế biến khoáng sản, bảo vệ tài nguyên môi trường. Hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng bán sản phẩm chưa qua chế biến hoặc chế biến thô. Thực hiện chủ trương cấp mở khai thác khoáng sản gắn với cơ sở chế biến, quản lý chặt chẽ khoáng sản chưa khai thác.

- Rà soát quy hoạch, tổ chức quản lý chặt chẽ khai thác cát, sỏi, đá xây dựng, đảm bảo sản xuất an toàn, bảo vệ môi trường, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, xây dựng các làng nghề theo quy hoạch được duyệt gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM. Duy trì và phát triển làng nghề truyền thống; đồng thời quan tâm du nhập ngành nghề mới theo thế mạnh về lao động, về tài nguyên hiện có. Trong đó ưu tiên chế biến lương thực, thực phẩm, nghề mây tre đan, mộc mỹ nghệ, thêu ren...

3. Dịch vụ:

3.1. Mục tiêu phát triển:

- GTTT (giá SS 2010) đạt 1.166.000 triệu đồng.
- Nhịp độ tăng trưởng dịch vụ bình quân thời kỳ 2015- 2020 đạt 22,77%
- Tỷ trọng 19,97%.

3.2. Phát triển các phân ngành:

3.2.1. Dịch vụ ngân hàng:

- Phát triển có hiệu quả hệ thống các ngân hàng, như ngân hàng nông nghiệp, ngân hàng chính sách; khuyến khích các ngân hàng cổ phần. Tạo điều kiện và đảm bảo cho các tổ chức tín dụng hoạt động, thu hút các ngân hàng lớn trong nước đầu tư khai thác hoạt động. Có cơ chế ưu đãi để khuyến khích phát triển dịch vụ bảo hiểm trong lĩnh vực phát triển nông- lâm nghiệp.

- Khuyến khích phát triển ngân hàng cổ phần, tín dụng ngoài quốc doanh, phát triển đa dạng các hình thức vay vốn. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ tiện ích: từng bước tiếp cận phát triển hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Khai thác thị trường bảo hiểm và mở rộng loại dịch vụ này vào trong mọi hoạt động xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế ưu đãi trong vay vốn, nhất là đối với hộ nông dân nghèo ở vùng sâu, vùng xa có điều kiện vay vốn để phát triển sản xuất.

3.2.2. Dịch vụ thương mại:

Phát triển ổn định thị trường, đáp ứng nhu cầu cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Gắn sản xuất với lưu thông và tiêu dùng, đảm bảo nguồn hàng ổn định thị trường. Đặc biệt quan tâm mở rộng thị trường các mặt hàng xuất khẩu đã qua chế biến: cao su, cotton, gỗ MDF, sữa... xuất khẩu lao động

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống bán buôn và bán lẻ, nâng cấp, củng cố các chợ xã, chợ khu vực, xây dựng mới chợ huyện gắn liền với trung tâm thương mại; xây dựng các cửa hàng, ki ốt gắn với các thị tứ tạo mọi thuận lợi cho nhu cầu giao dịch sản phẩm hàng hoá của nhân dân.

3.2.3. Dịch vụ bưu chính - viễn thông:

Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới chất lượng thiết bị đạt công nghệ tốc độ cao, an toàn, đảm bảo thông tin được liên tục, không bị gián đoạn, thực hiện hạ dân giá

cước, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Tổ chức mạng lưới bưu cục hợp lý, tạo thuận lợi nhất cho khách hàng khi cần giao dịch. Nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính. Xây dựng mạng lưới viễn thông đồng bộ và rộng khắp. Phát triển các dịch vụ mới đang có sức cạnh tranh cao, như: điện thoại đường dài VIP giá rẻ, điện thoại di động, dịch vụ Internet không dây phù hợp với điều kiện địa hình các xã vùng cao.

3.2.4. Dịch vụ du lịch:

Nghĩa Đàn là huyện ít có danh thắng để thu hút khách du lịch, do vậy phát triển du lịch ở Nghĩa Đàn nên theo hướng du lịch tham quan, học tập xây dựng mô hình sản xuất. Khai thác triệt để ưu thế của các dự án nông nghiệp công nghệ cao đã, đang triển khai có hiệu quả, như: dự án chăn nuôi bò sữa công nghiệp quy mô tập trung lớn nhất cả nước, có mô hình chăn nuôi, mô hình trồng cỏ công nghệ cao; dự án trồng hoa, củ, quả trong nhà kính, dự án nuôi cá lồng trên hồ Sông Sào... Trong những năm tới, Nhà nước đã có chủ trương xây dựng vùng nông nghiệp công nghệ cao của khu vực miền Trung tại Nghĩa Đàn. Do vậy, huyện Nghĩa Đàn cần có sự quan tâm đúng hướng về đầu tư hạ tầng nhằm gắn du lịch tham quan, học tập với du lịch nghỉ dưỡng.

3.2.5. Dịch vụ kho bãi, vận tải:

Khai thác triệt để lợi thế là trung tâm vùng Phù Quỳ, lại nằm trên đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 48, đường nối Thị xã Thái Hoà với cảng Đông Hội (Quỳnh Lập)... Nghĩa Đàn rất có lợi thế để phát triển dịch vụ vận tải hàng hoá và hành khách. Cần nhanh chóng xây dựng các bến bãi theo quy hoạch giao thông huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời đầu tư nâng cấp các loại phương tiện vận chuyển, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.

3.2.6. Phát triển các dịch vụ khác:

Phát triển nhanh, có chọn lọc, phát triển lành mạnh ngành dịch vụ tư vấn, khoa học, công nghệ, kinh doanh tài sản, dịch vụ phục vụ cá nhân và cộng đồng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân, của các nhà đầu tư và khách du lịch.

3.3. Giải pháp:

Chuyển dịch cơ cấu dịch vụ theo hướng tăng nhanh các dịch vụ chủ lực: dịch vụ ngân hàng, dịch vụ thương mại; khai thác có hiệu quả dịch vụ vận tải, kho bãi; xây dựng và phát triển vững chắc, khoa học dịch vụ bưu chính, viễn thông và từng bước mở rộng dịch vụ du lịch.

4. Lĩnh vực văn hóa - xã hội:

4.1. Giáo dục, đào tạo:

4.1.1. Mục tiêu:

- Duy trì 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó 85% giáo viên đạt chuẩn..

- Tỷ lệ lao động được đào tạo mới/tổng số lao động đạt 68,35% (cả tỉnh 65%).
- Tỷ lệ xã đạt phổ cập THCS: 100%.
- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo: 90%.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, đẩy mạnh công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, phấn đấu đến năm 2020 đạt 91,3%.

4.1.2. Giải pháp:

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Hoàn thiện hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất đạt chuẩn đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu giáo dục và đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực trên địa bàn.

- Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; chất lượng giáo dục vùng khó khăn, chất lượng mũi nhọn, đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo. Phấn đấu đến năm 2020 Nghĩa Đàn là đơn vị khá của tỉnh về giáo dục và đào tạo.

- Thực hiện tốt Chương trình hành động theo Nghị quyết 29 của Đảng về đổi mới cơ bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo.

- Tập trung thực hiện Chương trình hành động số 33-CT/TU ngày 18/9/2014 của BCH Đảng bộ tỉnh về thực hiện NQ 29 về đổi mới căn bản toàn diện GDĐT.

- Sắp xếp, điều chỉnh mạng lưới trường lớp phù hợp với quy hoạch điều chỉnh bổ sung tổng thể phát triển KTXH tỉnh Nghệ An đến năm 2020 theo Quyết định số 620/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQLGD, gắn với công tác DTBD, đánh giá xếp loại, bổ trí, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm.

- Tập trung thực hiện công tác phân luồng và hướng nghiệp sau THCS và THPT theo Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị để đạt được mục tiêu đến năm 2020 có ít nhất 35% học sinh học trường nghề và trung cấp chuyên nghiệp

- Làm tốt việc sát nhập trung tâm GDTX và trung tâm dạy nghề để thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

4.2. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng:

4.2.1. Mục tiêu:

- Số bác sỹ /1 vạn dân đạt 6,27 người.
- Tỷ lệ trạm y tế xã (thị trấn) có bác sỹ: 100%.
- Tỷ lệ xã (thị trấn) đạt chuẩn quốc gia về y tế: 100%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn dưới 13%.

4.2.2. Giải pháp:

- Thực hiện xã hội hoá lĩnh vực y tế, tạo điều kiện y tế tư nhân phát triển; đồng thời tiếp tục thực hiện hiện đại hoá ngành y tế với trang thiết bị y tế tiên tiến, kịp thời đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân. Tiếp tục mở rộng dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm tạo nguồn kinh phí cho chăm sóc sức khoẻ và chữa bệnh cho mọi đối tượng. Đặc biệt, cần có quy chế riêng thích hợp khám, chữa bệnh cho người nghèo, cho người già không nơi nương tựa...

- Kết hợp chặt chẽ với Chương trình xây dựng NTM, thực hiện xây dựng hoàn chỉnh hệ thống khám chữa bệnh từ tuyến huyện đến xã theo quy hoạch được duyệt.

4.3. Văn hoá, thể dục, thể thao:

4.3.1. Mục tiêu:

- Tỷ lệ làng, bản, khối, xóm cơ quan văn hóa 60%.
- Tỷ lệ gia đình văn hóa 85%.
- Tỷ lệ xã, thị trấn có thiết chế văn hóa đạt chuẩn quốc gia 68%.

4.3.2. Giải pháp:

- Tiếp tục giữ vững và phát triển nền văn hoá của Nghĩa Đàn đậm đà bản sắc dân tộc. Tạo lập môi trường văn hoá lành mạnh và gắn kết hữu cơ giữa gia đình, cộng đồng dân cư và xã hội. Tạo cơ hội cho mọi người có thể tham gia sáng tạo và hưởng thụ các hoạt động văn hoá - xã hội, huy động nguồn lực của toàn xã hội cho phát triển văn hoá, xây dựng môi trường văn hóa văn minh. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Tăng cường giáo dục ý thức cộng đồng trong các tầng lớp nhân dân, trước hết là trong thanh thiếu nhi. Xây dựng lễ hội cấp huyện gắn với việc bảo tồn và phát huy giá trị Di tích lịch sử Hang Rú Âm - Cây đa Làng Trù.

- Xây dựng phong trào thể thao toàn dân, tại các xã, thôn bản đều được giành diện tích phù hợp để xây dựng công trình thể thao. Chú ý phát triển các môn thể thao truyền thống, thể thao dân tộc, thể thao chất lượng cao.

- Tăng cường quản lý Nhà nước về văn hoá thông tin có hiệu quả, chủ động hướng các hoạt động văn hoá - thông tin, dịch vụ văn hoá theo khuôn khổ của pháp luật góp phần tạo dựng môi trường văn hoá lành mạnh. Phối kết hợp chặt chẽ và hiệu quả với các ngành, các cấp.

4.4. Dân số - lao động và việc làm:

4.4.1- Mục tiêu:

- Phần đầu ổn định mức tăng dân số khoảng 0,93 - 1,03%/năm trong kỳ quy hoạch. Đẩy mạnh công tác KHHGD, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 hàng năm 0,3%.

- Mỗi năm tạo việc làm cho khoảng 1.700 lao động ; trong đó lao động làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khoảng 700 người.

- Đến năm 2020 giảm tỷ lệ thất nghiệp xuống còn khoảng 0,63% trong tổng số lao động.

- Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ 0,7 - 1%, đến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 2,83%.

4.4.2. Giải pháp:

- Khuyến khích các loại hình kinh tế phát triển trong các khu vực kinh tế, nhất là công nghiệp - xây dựng và dịch vụ nhằm thu hút thêm lao động có việc làm; mặt khác khai thác có hiệu quả thị trường xuất khẩu lao động;

- Có sự chuyển dịch lao động hợp lý, kịp thời: giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp để tăng cho khu vực công nghiệp- xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ lệ lao động nông thôn sang lao động thành thị. Đồng thời cần có biện pháp tổ chức liên kết với các địa phương, các ngành nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, ngành cho người lao động, vừa nâng cao chất lượng lao động đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động theo trình độ kỹ thuật tiên tiến, vừa tạo cơ hội có việc làm; góp phần thực hiện tốt mục tiêu

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách của Nhà nước đối với người có công với cách mạng, chính sách đối với người nghèo, bảo trợ xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em; các chính sách về khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hạ tầng, nhất là các xã ở vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục ứng dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất và đời sống để không ngừng nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập ổn định.

5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

5.1. Về giao thông:

*** Hệ thống đường quốc lộ, tỉnh lộ:**

Phối hợp với tỉnh, ngành tiếp tục nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ chạy qua trên địa bàn.

*** Hệ thống đường huyện lộ, đường xã:**

- Phân đầu 40 - 50% đường huyện, xã, 20 - 30% đường xã được rải nhựa hoặc bê tông hóa.

*** Hệ thống cầu qua sông, suối:**

- Xây dựng cầu Hiếu trên tuyến đường tỉnh 531.

- Xây dựng 8 cầu qua suối: Suối Cái 1, Suối Cái 2 (Nghĩa Lộc), Khe Đá (Nghĩa Đức), Khe Dom, Đồng Sơn (Nghĩa Mai), Sông Sào (Nghĩa Trung), Khe Đá Bạc (Nghĩa Lợi) và Khe Giếng (Nghĩa Lạc).

*** Xây dựng bến xe:**

- Quy hoạch 2 bến xe: bến xe Nghĩa Đàn quy mô loại 2 và bến xe Nghĩa Sơn quy mô loại 3.

5.2. Về thủy lợi:

- Tiếp tục thực hiện đầu tư nâng cấp, tu sửa các công trình hồ đập thủy lợi có trên địa bàn. Trong điều kiện khó khăn về nguồn vốn như hiện nay, cần ưu tiên các công trình ách yếu (có dung tích từ 0,7 triệu m³ trở lên): hồ Hòn Mát (Nghĩa Lộc), hồ Khe Thái (Nghĩa Thịnh) ...

- Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kênh mương công trình Sông Sào.

5.3. Nước sạch:

- Khẩn trương xây dựng mới, nâng cấp cải tạo các hạng mục cấp nước tập trung đã được quy hoạch. Việc khai thác nguồn và tạo nguồn cung cấp nước phải đảm bảo cung cấp nước ổn định, đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây tác động xấu đến thiên nhiên.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch.

- Phần đầu 97% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

5.4. Cơ sở hạ tầng thiết yếu khác:

- Tập trung cao độ cả về tư tưởng chỉ đạo, chuẩn bị các nguồn lực có thể huy động thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Phần đầu đến năm 2020 các hạng mục hạ tầng phục vụ sản xuất, sinh hoạt cộng đồng như: hệ thống điện, bưu chính viễn thông, hệ thống trường học, các trạm y tế xã... cơ bản đạt chuẩn các tiêu chí.

- Về môi trường:

+ Tại các xã, thị trấn xây dựng các điểm thu gom và xử lý rác thải theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt.

+ Xử lý môi trường do chăn nuôi bò sữa: Cần thực hiện nghiêm túc phương án xử lý tác động môi trường đã được phê duyệt: *Dự án sử dụng công nghệ cao trong xử lý phân và nước thải chăn nuôi.*

6. Tổ chức không gian, phát triển đô thị:

6.1. Phát triển đô thị:

Thực hiện tốt Chương trình xây dựng NTM để đạt mục tiêu có tỷ lệ dân cư đô thị đến năm 2020 khoảng 12- 15%, tương ứng dân số khoảng từ 18.000- 20.000 người. Theo đó, ngoài trung tâm huyện đang được xây dựng hoàn thành với diện tích 865 ha, có vị trí nằm trên trục đường Thái Hoà- Đông Hối ; định hướng xây dựng đạt quy mô đô thị loại 5 tại Nghĩa Sơn và xây dựng trên địa bàn 4 thị tứ (Nghĩa Lộc, Nghĩa Khánh, Nghĩa Hồng, Nghĩa Hiếu), các thị tứ sẽ được xây dựng

trên các trục đường giao thông chính, gắn với điểm dân cư tập trung đã và đang phát triển, quy mô mỗi thị tứ 50- 120 ha.

6.2. Phát triển các tiểu vùng:

- **Tiểu vùng Trung tâm** (Gồm 3 xã: Nghĩa Bình, Nghĩa Trung, Nghĩa Hội và thị trấn huyện): Có tổng diện tích tự nhiên 7.718ha. Là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá - xã hội của huyện. Phương hướng chính của vùng là phát triển dịch vụ, xây dựng khu công nghiệp của tỉnh, phát triển ngành nghề TTCN. Về nông nghiệp, phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây lương thực, cây nguyên liệu, phát triển chăn nuôi...

- **Tiểu vùng Tây Nam** (Gồm 5 xã: Nghĩa Long, Nghĩa Lộc, Nghĩa An, Nghĩa Đức và Nghĩa Khánh). Có diện tích tự nhiên 14.083ha. Định hướng chung của tiểu vùng: phát triển cụm công nghiệp nhỏ (Nghĩa Long), sản xuất vật liệu xây dựng, tiểu thủ công nghiệp. Về nông nghiệp, phát triển lương thực, cây công nghiệp, cây nguyên liệu, trồng rừng phòng hộ Khe Đá, phát triển chăn nuôi...

- **Tiểu vùng Đông Bắc** (Gồm 4 xã: Nghĩa Thọ, Nghĩa Lợi, Nghĩa Lạc và Nghĩa Phú), với tổng diện tích tự nhiên 10.224ha: Phát triển sản xuất nông- lâm nghiệp là chính, như: trồng cao su, mía; chăn nuôi và trồng, chăm sóc rừng. Phát triển chế biến nông sản. Đồng thời cũng là nơi được chọn để thực hiện quy hoạch Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ.

- **Tiểu vùng Tây Bắc** (Gồm 12 xã: Nghĩa Tân, Nghĩa Liên, Nghĩa Hiếu, Nghĩa Thắng, Nghĩa Hưng, Nghĩa Thịnh, Nghĩa Hồng, Nghĩa Minh, Nghĩa Mai, Nghĩa Yên, Nghĩa Lâm và Nghĩa Sơn, tổng diện tích tự nhiên 29.760ha, là tiểu vùng lớn nhất cả về quy mô diện tích và dân số. Nhiệm vụ sản xuất chính của vùng : về công nghiệp; về nông- lâm nghiệp, phát triển cây lâu năm, cây nguyên liệu, cây lương thực, trồng rừng và chăn nuôi. Đặc biệt, đây là địa bàn chính thực hiện dự án phát triển chăn nuôi bò sữa tập trung quy mô công nghiệp gắn với nhà máy chế biến sữa công suất 500 triệu tấn/năm; nơi thực hiện dự án sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao;

6.3. Xây dựng khu TĐC:

Nhằm đảm bảo an toàn vệ sinh triệt để cho nhân dân khu vực phụ cận các trại chăn nuôi bò, UBND huyện Nghĩa Đàn cần phối hợp chặt chẽ với Công ty TH thực hiện di dân TĐC cho các hộ dân bị ảnh hưởng, trước mắt cho các hộ dân bị ảnh hưởng ở 7 xóm của 3 xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn và Nghĩa Yên. Huyện có kế hoạch quy hoạch đất đai, Công ty có kế hoạch hỗ trợ kinh phí vận chuyển.

IV. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM:

(Phụ lục kèm theo)

V. NHỮNG GIẢI PHÁP CHÍNH:

1. Giải pháp về nguồn lực:

1.1. Giải pháp về vốn đầu tư:

1.1.1. Nhu cầu vốn đầu tư :

Tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn XH giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 28.700 tỷ đồng . Trong đó :

+ Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương và địa phương ước chiếm khoảng 20% tổng vốn đầu tư, Chủ yếu để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, như: xây dựng đường giao thông, các công trình thủy lợi, phúc lợi công cộng, nhà làm việc....

+ Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, dự báo sẽ là nguồn huy động chính, ước chiếm 55% tổng nhu cầu vốn đầu tư. Nguồn vốn đầu tư này trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, nhất là chế biến nông - lâm sản (riêng sản xuất và chế biến sữa chiếm khoảng 37% nguồn vốn) và khai thác chế biến khoáng sản.

+ Vốn đầu tư nước ngoài: Bao gồm vốn FDI và ODA, nguồn vốn này chiếm tỷ trọng thấp, khoảng 5% tổng vốn, nhưng có vị trí rất quan trọng, việc thu hút đầu tư bên ngoài không chỉ là tạo vốn mà còn là cơ hội để đổi mới công nghệ, đào tạo cán bộ kỹ thuật và mở rộng thị trường ;

+ Nguồn vốn tự có trong dân: Chủ yếu được huy động thông qua giá trị ngày công được đóng góp của các tầng lớp nhân dân trong quá trình thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng nhà ở và các công trình phụ trợ; đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện cho các hộ có nhu cầu và có khả năng đầu tư phát triển kinh tế trang trại, gia trại... Dự kiến huy động được khoảng 5% tổng nhu cầu vốn.

+ Vốn vay: Nguồn vốn vay được sử dụng chủ yếu để thực hiện các dự án phát triển sản xuất. Ước tính khoảng 15% tổng vốn.

1.1.2. Giải pháp huy động vốn:

1.1.2.1. Vốn ngân sách nhà nước:

- Để huy động tốt nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, trước hết huyện Nghĩa Đàn cần tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Chương trình xây dựng NTM; Đồng thời kêu gọi Trung ương, Tỉnh đầu tư vào các công trình hạ tầng lớn, nhất là mạng lưới giao thông và các công trình thủy lợi, đầu tư xây dựng khu công nghiệp nhỏ của tỉnh, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mặt khác có giải pháp nhằm tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của huyện và tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao đồng thời có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm chi ngân sách để dành ưu tiên cho đầu tư phát triển.

- Tập trung chỉ đạo tổ chức điều hành dự toán ngân sách hàng năm được HĐND tỉnh quyết định theo đúng các quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu ngân sách được giao. Có biện pháp, giải pháp cụ thể chống thất thu, nợ đọng thuế để có thêm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh đầu tư giá quyền sử dụng đất tạo vốn đầu tư trên cơ sở rà soát lại quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch cơ sở hạ tầng tạo quỹ đất thương mại. Cần tính toán phương án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng có thu tại một phần nguồn lợi từ việc đầu tư để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách mỗi khi thu hồi đất làm công trình phúc lợi công cộng.

1.1.2.2. Vốn doanh nghiệp:

Là nguồn vốn gắn bó lâu dài với quá trình phát triển kinh tế của huyện. Do vậy, để không chỉ duy trì ổn định và không ngừng tăng nguồn vốn này cần:

- Nghiên cứu thực hiện hình thức huy động vốn theo PPP (đầu tư theo hình thức đối tác công tư, là hình thức được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án để thực hiện, quản lý, vận hành dự án kết cấu hạ tầng, cung cấp dịch vụ công).

- Thực hiện cải cách hành chính mạnh mẽ, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư và có các biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư xây dựng, mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; khuyến khích và đa dạng hoá các hình thức đầu tư của doanh nghiệp vào lĩnh vực phát triển sản xuất.

- Tăng cường hơn nữa công tác quảng bá, giới thiệu với doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh về các tiềm năng, thế mạnh của huyện nhằm thu hút vốn đầu tư.

- Phổ biến rộng rãi và đảm bảo thực hiện nghiêm túc Luật Doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân phát triển. Khuyến khích tư nhân thành lập các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ.

- Tạo điều kiện để các nhà đầu tư kinh doanh có lãi, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Trong quy hoạch sử dụng đất, cần chú trọng dành quỹ đất thích hợp để xây dựng và phát triển các cơ sở ngoài công lập phù hợp với định hướng phát triển xã hội hóa. Đối với các dự án đang triển khai, cần giải quyết kịp thời các vướng mắc, khó khăn về đất đai, giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

- Quan tâm chỉ đạo, khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh có biện pháp cụ thể về cải tiến công nghệ, phương thức quản lý, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm.

1.1.2.3. Vốn đầu tư nước ngoài và vốn bên ngoài:

Để có thể huy động tốt nguồn vốn này, cần thực hiện các giải pháp:

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi (giá thuê đất và chính sách sử dụng đất, giải phóng mặt bằng, cung cấp dịch vụ hạ tầng,...) cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư vào Nghĩa Đàn.

- Tăng cường hơn nữa công tác quảng bá, giới thiệu ra ngoài về các tiềm năng thế mạnh của huyện.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm thiểu các đầu mối tiếp xúc, tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào, khuyến khích các dự án đang hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất.

- Kiến nghị tỉnh cho phép huyện có chính sách ưu đãi phù hợp để tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

1.1.2.4. Vốn huy động trong dân:

Là nguồn vốn tiềm ẩn, cần có giải pháp hợp lý để huy động có hiệu quả từ nguồn vốn này như sau:

- Đẩy nhanh việc hoàn thành cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp;

- Tạo môi trường tài chính tin cậy, củng cố, mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân nhằm cùng với hệ thống ngân hàng huy động tốt vốn nhàn rỗi trong dân.

- Đa dạng hoá các hình thức huy động vốn, các hình thức tạo vốn, huy động tiền vay, mở rộng các nguồn thu; thực hiện xã hội hoá một số lĩnh vực, khuyến khích nhân dân tham gia các hoạt động phát triển hạ tầng (điện, đường, trường, trạm,...) theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm.

1.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Tiếp tục đầu tư phát triển có chất lượng trường dạy nghề của huyện, với nhiệm vụ đào tạo đa ngành nghề cho lực lượng lao động phổ thông tại chỗ. Đồng thời quan tâm tạo điều kiện xúc tiến nhanh đầu tư xây dựng Trung tâm đào tạo nghề nông nghiệp công nghệ cao do Công ty Cổ phần thực phẩm sữa TH làm chủ đầu tư; nhằm đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao cho các Công ty thuộc Tập đoàn TH hoạt động tại địa phương, cho Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Có cơ chế mở để thu hút lực lượng lao động được đào tạo cơ bản từ các địa phương khác đến; Đồng thời cần xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hạn nhằm tạo điều kiện cho cán bộ chủ chốt có triển vọng trên các lĩnh vực được đào tạo hoặc đi tham quan học tập ở nước ngoài.

- Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng, chăm lo công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, nhất là các bộ cấp xã.

2. Giải pháp về chính sách:

- Áp dụng các cơ chế chính quy định trong Luật Công nghệ cao và Quyết định số 1895/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ.

- Ban hành các chính sách kích cầu để khuyến khích nhân dân tham gia triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới, đầu tư công sức và tiền của vào phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Ban hành cơ

chế ưu đãi đầu tư ở một số địa bàn và ở một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sản xuất công nghiệp, cây nguyên liệu...

- Mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư, tăng cường liên doanh liên kết với các huyện trong vùng, với các công ty trong nước, ngoài nước trên một số lĩnh vực mà huyện có lợi thế, có điều kiện phát triển.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ:

3.1. Nông nghiệp:

- Xúc tiến nhanh việc thực hiện xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sớm có điều kiện ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất. Tiếp tục chỉ đạo chặt chẽ việc dồn điền đổi thửa, kết hợp với biện pháp xây dựng cánh đồng mẫu lớn, nhằm tạo điều kiện ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp. Tiếp cận nhanh và áp dụng sáng tạo các kỹ thuật công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp. Tăng mức đầu tư mở rộng mạng lưới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, sản xuất cây con giống, thú y, bảo vệ thực vật.

- Nghiên cứu tái cơ cấu ngành nông nghiệp hợp lý để khai thác hợp lý quỹ đất, tài nguyên nước,... nhằm tăng giá trị trên từng đơn vị diện tích canh tác và tạo hàng hoá cho xuất khẩu. Thực hiện có hiệu quả các đề án phát triển cây, con hàng hoá chủ yếu, tạo vùng nguyên liệu chế biến phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu trên địa bàn đến năm 2020.

3.2. Công nghiệp:

- Tăng cường và đẩy nhanh tốc độ chuyển giao công nghệ, nhất là những công nghệ phục vụ phát triển sản xuất các sản phẩm trọng điểm; nhập các thiết bị máy móc thế hệ mới, công nghệ hiện đại.

- Ưu tiên đổi mới thiết bị, đầu tư chiều sâu ứng dụng khoa học công nghệ, tập trung vào một số ngành mũi nhọn như: chế biến sữa, chế biến gỗ, khai thác và chế biến khoáng sản... Tận dụng phụ phẩm để tạo sản phẩm mới, tăng hiệu quả kinh tế. Khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực công nghệ mới, vật liệu mới có chất lượng cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

3.3. Công nghệ thông tin:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh, trong quản lý hành chính Nhà nước và trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành công việc hàng ngày của các ngành, các cấp. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án tin học của Nhà nước và của hệ thống Đảng (cả trang thiết bị và đào tạo) để sớm hoà mạng từ nội bộ các xã, cơ quan, đơn vị trong huyện đến tỉnh.

3.4. Công nghệ môi trường:

Đầu tư thích ứng điều kiện xử lý chất thải công nghiệp, chất thải chăn nuôi bò sữa, chất thải đô thị... bằng việc quy hoạch hợp lý hệ thống bãi chứa chất thải từ thôn xóm, phường xã, đến các cơ quan nhà máy; đồng thời đầu tư phương tiện thu gom và xử lý chất thải đồng bộ.

4. Giải pháp về cơ chế chính sách:

- Áp dụng các cơ chế chính quy định trong Luật Công nghệ cao và Quyết định số 1895/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ.

- Ban hành các chính sách kích cầu để khuyến khích nhân dân tham gia triệt để Chương trình xây dựng NTM, đầu tư công sức và tiền của vào phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Ban hành cơ chế ưu đãi đầu tư ở một số địa bàn và ở một số lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sản xuất công nghiệp, cây nguyên liệu...

- Mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư, tăng cường liên doanh liên kết với các huyện trong vùng, với các công ty trong nước, ngoài nước trên một số lĩnh vực mà huyện có lợi thế, có điều kiện phát triển.

- Mở rộng các hình thức tín dụng, tăng dần vốn vay trung hạn và dài hạn, thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất cho các chương trình, dự án trọng điểm.

- Tạo môi trường đầu tư hấp dẫn nguồn FDI bằng các cơ chế miễn giảm thuế, giảm giá thuê đất, chuẩn bị hạ tầng khu công nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn:

- Sau khi điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020 được phê duyệt, tổ chức công bố, phổ biến điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế huyện Nghĩa Đàn đến năm 2020 được phê duyệt đến các cấp ủy Đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn huyện để tổ chức triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành liên quan của tỉnh nghiên cứu xây dựng các quy hoạch ngành, lĩnh vực đồng bộ và phù hợp; lựa chọn các chương trình dự án ưu tiên để đưa vào kế hoạch 5 năm và hàng năm; đề xuất các cơ chế, chính sách để thực hiện quy hoạch.

2. Các Sở, Ban, ngành của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn trong việc thực hiện quy hoạch đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Nghĩa Đàn với quy hoạch, định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Đàn và Thủ trưởng các liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Các sở, ngành cấp tỉnh;
- Huyện uỷ-HĐND-UBND huyện Nghĩa Đàn;
- Lưu VT, TH.

la

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đường

Phụ lục

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM ƯU TIÊN ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **357**/QĐ-UBND ngày **29** tháng **02** năm 2016 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên dự án
A	Các dự án đầu tư do tỉnh, huyện quản lý
1	Nâng cấp mở rộng quốc lộ 48.
2	Các tuyến đường giao thông liên xã, trung tâm xã.
3	Nâng cấp đường vào trung tâm xã có đường ô tô chưa vào được 4 mùa.
4	Đường nối quốc lộ 1A- Thị xã Thái Hòa.
5	Các tuyến đường nội thị trấn các huyện.
6	Xây dựng các nhà máy nước phục vụ các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp và các điểm dân cư tập trung.
7	Nâng cấp và xây dựng mới đường dây và trạm biến thế điện.
8	Hệ thống bãi rác và nhà máy xử lý rác thải rắn.
9	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị.
10	Hạ tầng khu công nghiệp Nghĩa Đàn.
11	Xây dựng, cải tạo hệ thống trạm bơm điện.
12	Đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị kỹ thuật cho trung tâm y tế huyện.
13	Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho trạm y tế xã.
14	Xây dựng thiết chế VH-TT cấp huyện, xã.
15	Đầu tư cơ sở vật chất các Trung tâm Bảo trợ xã hội.
16	Nhà ở công nhân ở các khu công nghiệp.
17	Trụ sở các cơ quan nhà nước cấp xã.
B	Thu hút các dự án đầu tư ngoài NSNN
1	Tiếp tục thực hiện Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa (1,2 tỷ USD), phân đầu đến năm 2020 nâng quy mô tổng đàn bò lên 120.000 con (trong đó 45.000 con cho sữa) và xây dựng nhà máy chế biến sữa Mega công suất 1000 tấn/ngày tại Nghĩa Sơn.
2	Tiếp tục thực hiện Dự án xây dựng nhà máy chế biến gỗ MDF tại khu công nghiệp nhỏ của tỉnh (100 triệu EUR- Nghĩa Hội).
3	Thành lập, xây dựng Trung tâm đào tạo nghề nông nghiệp công nghệ cao (100 Triệu USD - Công ty CP thực phẩm sữa TH) tại Nghĩa Bình.
4	Tiếp tục thực hiện Dự án trồng rau, củ, quả và hoa công nghệ cao trong nhà kính (40 Triệu USD) tại Nghĩa Sơn.

TT	Tên dự án
5	Nhà máy may quy mô 150.000 SP/năm.
6	Nhà máy Bê tông nhẹ cốt liệu rỗng công suất 100.000- 200.000 SP/năm.
7	Các dự án đầu tư xây dựng nhà máy liên hiệp khai thác, chế biến đá ốp lát, đá thủ công mỹ nghệ và bột đá siêu mịn.
8	Các dự án sản xuất VLXD, phụ tùng ô tô, máy nông nghiệp...
9	Các dự án chế biến lâm sản, sản xuất phân bón, hóa chất.
10	Dự án trồng rừng 10.000 ha.
11	Dự án chăn nuôi và chế biến thịt gia súc, gia cầm. lợn 1 triệu con/năm, gia cầm 2 triệu con/năm.
12	Nhà máy chế biến thủy sản cao cấp 10.000 T/năm.
13	Trồng rau và hoa quả trong nhà kính 520 ha.
14	Dự án trồng cây Oliu 2.500 ha.
15	Dự án khu nông nghiệp ứng dụng CNC quy mô 200 ha.
16	Dự án trồng hồng,tech.
17	Nhà máy chế biến sản phẩm từ cao su 10 triệu SP/năm.
18	Xây dựng nhà máy sản xuất ván sợi (MDF) 300.00 m3/năm.
19	Trồng và chế biến cây dược liệu.
20	Xây dựng chợ, trung tâm thương mại, dịch vụ các huyện.
21	Trạm dừng nghỉ cơ giới đường bộ.

* Ghi chú: Về vị trí, quy mô cụ thể, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ./.